

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 15-6-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Do quen biết nhau nên ngày 06-12-2019, bà có cho bà Nguyễn Thị G vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận khi vay là 3%/tháng nhưng không ghi lãi trong giấy nhận nợ. Khi vay, bà G hẹn 02 tháng sau sẽ trả hết nợ

gốc và lãi cho bà nhưng khi đến hạn bà G không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho bà như thỏa thuận. Bà H đã yêu cầu bà G trả nợ nhiều lần nhưng bà G không trả. Nay bà yêu cầu bà G trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Ngoài số tiền nợ gốc, trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà H còn yêu cầu bà G phải trả lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Nhưng tại phiên tòa bà H rút lại yêu cầu đối với phần lãi suất và bà H chỉ yêu cầu bà G trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Bà H chỉ cho một mình bà G vay tiền nên bà chỉ yêu cầu một mình bà G trả nợ, không yêu cầu chồng bà G là ông Cảnh cùng trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- bà G trình bày: bà G thừa nhận có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng và có viết giấy nợ cho bà H. Nhưng bà H cho vay với lãi suất 10%/ tháng và bà G đã trả lãi nhiều lần. Nay bà G đồng ý trả nợ gốc 50.000.000 đồng nhưng bà H phải khấu trừ số tiền lãi mà bà G đã trả cho bà H.

Bà G đã được Tòa án tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt nên tại phiên tòa không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về thủ tục: thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu bà G phải trả tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy

triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Kim H khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị G trả số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và bà H cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền ghi ngày 06-12-2019 thể hiện nội dung là bà G có vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng và hẹn hai tháng sẽ trả.

Bà H chỉ cho một mình bà G vay tiền nên bà chỉ yêu cầu một mình bà G trả nợ, không yêu cầu chồng bà G là ông Cảnh cùng trả nợ.

[3.2] Ngày 12-01-2021, bà G có đến Tòa án và trình bày lời khai của mình, bà thừa nhận là có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay là để vay dùm cho người khác; Trong giấy nhận tiền không có ghi lãi suất nhưng bà với bà H thỏa thuận miệng với nhau là lãi suất 10%/tháng; bà đã trả lãi nhiều lần nhưng không xác định được số tiền là bao nhiêu và bà cũng không có giấy tờ gì thể hiện đã trả lãi cho bà H; bà đồng ý trả bà cho bà H số tiền gốc là 50.000.000 đồng nhưng phải khấu trừ số tiền lãi mà bà đã trả cho bà H; nhưng sau khi Tòa án ghi biên bản lấy lời khai thì bà G không ký tên vào biên bản và tự ý bỏ về và nói sẽ đi tố cáo bà H về hành vi cho vay lãi nặng.

Sau đó, bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; bà cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

[4] Nhận định của Hội đồng xét xử: Bà H khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và cung cấp cho Tòa án giấy nợ do bà G viết và ký tên; bà G cũng thừa nhận có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà H chỉ yêu cầu một mình bà G trả nợ gốc, không tính lãi.

[5] Bà G cho rằng bà H cho bà vay tiền với lãi suất cao và yêu cầu Tòa án khấu trừ cho bà nhưng bà G không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà G vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì bà G đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận nên bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả cho bà H là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Ghi nhận bà H không yêu cầu chồng bà G cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Kim H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007927 ngày 28-12-2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quốc Hùng